

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/DS-PT**  
Ngày: 04-3-2021  
V/v: Tranh chấp QSDĐ & bồi  
thường thiệt hại tài sản trên đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Quân

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

***Đồng nguyên đơn:*** Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1935 và bà Lê Thị T, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái;

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Anh Hoàng Xuân S, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái. Văn bản ủy quyền ngày 04-5-2021. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn:*** Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1974 và chị Nông Thị M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Mùa: Anh Hoàng Văn C;

Địa chỉ: Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái. Văn bản ủy quyền ngày 24-6-2021. Có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái

Địa chỉ: Xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mông Ngọc L – Chủ tịch. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Mông Thị Đ, sinh năm 1945

Địa chỉ: Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

***Người làm chứng:***

1. Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1960. Có mặt;
2. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1961. Vắng mặt;
3. Anh Nguyễn Văn A1, sinh năm 1970. Có mặt;
4. Chị Hoàng Thị E1, sinh năm 1970. Vắng mặt;
5. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1953. Có mặt;
6. Chị Vương Thị E, sinh năm 1981. Có mặt;
7. Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1977. Có mặt;
8. Anh Hoàng Văn O1, sinh năm 1983. Có mặt;
9. Chị Đỗ Thị U, sinh năm 1981. Vắng mặt;

Cùng trú tại: Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái;

10. Anh Mông Văn H, sinh năm 1963. Có mặt;

11. Chị Hoàng Thị I, sinh năm 1966. Có mặt;

Cùng trú tại: Thôn Z, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái.

Người kháng cáo: Anh Hoàng Văn C là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1968, ông Hoàng Văn B khai phá được diện tích đất khoảng 8.500m<sup>2</sup> tại Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái; sau khi khai phá gia đình ông trồng nhiều loại cây khác nhau. Đến năm 2013 gia đình ông đã kê khai, đo đạc và được các hộ sử dụng đất liền kề ký giáp ranh và không có tranh chấp. Gia đình tiếp tục sử dụng đất đến tháng 6 năm 2019 thì anh Hoàng Văn C tự ý chặt phá cây cối có

trên đất gồm: 02 búi tre (Khoảng 150 cây), 30 cây cọ, khoảng 150 cây vầu, 04 cây gõ tạp, khoảng 25 cây trâu.

Khi phát sinh tranh chấp Ủy ban nhân dân xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái đã hòa giải nhiều lần nhưng hai bên gia đình không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ kiện. Do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M phải trả lại phần diện tích đất 1.750m<sup>2</sup> và bồi thường số tiền 17.750.000, đồng do anh C chặt phá cây trên đất; đối với cây trên đất do anh C trồng mới nguyên đơn yêu cầu bị đơn thu hoạch trả lại cho nguyên đơn.

Bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày:

Khoảng tháng 9 năm 2019, bà Mông Thị Đ tổ chức họp gia đình thống nhất cho anh diện tích đất khoảng 720m<sup>2</sup> tại Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái. Do bố mẹ anh là bà Mông Thị Đ, (Ông G đã chết năm 1984) khai phá khoảng năm 1969, đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cho đất anh C đã phát dọn, chặt hạ cây trên đất. Hiện tại trên đất anh C đang trồng cây trâu và sắn. Anh C không chấp nhận việc trả lại đất cho ông B, bà T vì đất là của bố, mẹ anh khai phá; đối với cây trên đất do bố mẹ anh C trồng, do đó không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 17.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại phiên hòa giải đương sự thống nhất giá trị quyền sử dụng đất là 12.650.000,đồng; số cây cối bị chặt hạ có giá trị 11.600.000,đồng; số cây trồng mới có giá trị là 4.800.000,đồng.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã Y trình bày: Theo kết quả đo đạc năm 2013, khi đo đạc đều có chữ ký xác nhận của các hộ giáp ranh và đã lập bản đồ địa chính năm 2013. Thửa đất của bà Mông Thị Đ là đất vườn (LNK), số thửa 36, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.015,1 m<sup>2</sup>; thửa đất được quy chủ là ông Hoàng Văn B là thửa số 37, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.554,7 m<sup>2</sup>. Cả hai thửa đất đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mông Thị Đ trình bày: Diện tích đất tranh chấp do bà và chồng là Hoàng Văn G khai phá từ năm 1968, năm 1969 trồng cọ, bà không rõ diện tích đất là bao nhiêu, đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất này giáp với đất của gia đình bà đã được cấp giấy. Bà xác định có họp gia đình và cho anh C, chị M diện tích đất đang tranh chấp và toàn bộ cây trồng trên đất từ cuối năm 2019.

Những người làm chứng gồm ông Hoàng Long O2 nguyên Trưởng Thôn O từ năm 2007 đến năm 2017 và ông Phùng Quốc U1 hiện là Trưởng Thôn O đều trình bày: Năm 2013 khi tiến hành đo đạc tổng thể đã thông báo với các hộ dân, khi xác định mốc giới các hộ liền kề đều trực tiếp ký giáp ranh. Thửa đất tranh chấp nằm trong thửa đất có diện tích 8.554,7 m<sup>2</sup> chưa được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn B từ năm 2013. Đối với cây cọ một phần do bà Đ trồng, còn lại do ông Hoàng Văn B trồng; số cây vầu và 02 bụi tre là do ông B trồng; cây gỗ tạp trên đất là do tự mọc.

Người làm chứng Hoàng Thị A (con gái ông B) xác định nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do ông Hoàng Văn B khai phá; chị A có thửa đất giáp ranh với ông B nên năm 2013 khi đo đạc đất chị là người được ký giáp ranh với ông B.

Người làm chứng Hoàng Văn K trình bày: Lúc còn nhỏ ông sống cùng với ông B từ năm 1955 đến 1966, trong thời gian ở cùng ông B đã khai phá diện tích đất mà hiện nay có tranh chấp với anh C để trồng các loại cây như cọ, tre, vầu, bồ đề và sử dụng cho đến nay không tranh chấp với ai.

Người làm chứng Hoàng Thị N xác định từ năm 1981 đến nay diện tích đất đang tranh chấp do ông Hoàng Văn B canh tác; năm 2013 khi đo đạc đất chồng chị là anh Hoàng Văn R có được ký giáp ranh với ông B.

Những người làm chứng Nguyễn Văn A1, Mông Văn H (anh rể Hoàng Văn C), Hoàng Thị E1, Hoàng Thị I (chị ruột anh C), Hoàng Văn P (em trai anh C), Vương Thị E, Đỗ Thị U (em dâu anh C) đều trình bày: Năm 2019, bà Mông Thị Đ có họp gia đình đồng ý cho anh C, chị M diện tích đất hiện đang có tranh chấp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-7-2020 xác định thửa đất tranh chấp là 1.581,5 m<sup>2</sup> nằm trong diện tích trồng cây lâu năm có diện tích 7.124,5 m<sup>2</sup>, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được ông Hoàng Văn B kê khai đo đạc, lập bản đồ năm 2013. Đối với cây trồng trên đất: Hai bên đương sự xác định số cây đã cắt còn thân gỗ, cây đã cắt chỉ còn gốc tổng giá trị 11.600.000, đồng; số cây trồng mới gồm cây Trầu và cây sắn trị giá 4.800.000, đồng. Các đương sự thống nhất không yêu cầu định giá.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường đối với số 30 cây cọ trị giá 6.000.000, đồng, chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 5.600.000, đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện X đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 101; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 357, 468 khoản 1 Điều 579, Điều 583, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, Điều 147, 157, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T.

Tạm giao cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T sử dụng diện tích đất 1.581,5m<sup>2</sup>; ông bà có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông B, bà T có quyền sở hữu, sử dụng, toàn bộ cây trồng trên đất gồm: Cây Kè số lượng 01 cây, vanh 82 cm, cao 7,0m; cây Hen số lượng 01 cây, vanh 100 cm, cao 13,0m; cây cọ số lượng 03 cây, vanh 90cm, cao 4,0m. 422 cây Trầu, 640 khóm sắn lá tre.

2. Buộc anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T diện tích 1.581,5m<sup>2</sup>; tại Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái.

Về ranh giới, mốc giới thửa đất: Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị N 38,92m; phía Nam giáp nương nước ba đoạn chiều dài 11,15m, 16,14m, 7,12m; phía Tây giáp đất chủ hộ gồm năm đoạn chiều dài 15,72m, 8,29m, 19,49m, 13,45m, 12,58m; phía Đông giáp đất bà Mông Thị Đ (Mẹ anh Hoàng Văn C) và đất bà Hoàng Thị A gồm ba đoạn chiều dài 10,19m, 14,38m, 8,16m.

3. Anh Hoàng Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T số tiền 800.000,đ (Tám trăm nghìn đồng) giá trị tài sản cây trên đất đã bị anh C chặt hạ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08-12-2020, bị đơn anh Hoàng Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung không nhất trí toàn bộ bản án số 15/2020/DS-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện X.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hoàng Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Yên Bái.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

##### **[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) cấp xã hòa giải nhưng không thành, đương sự khởi kiện ra Tòa án nên việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

Năm 2019, bị đơn anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M được mẹ đẻ là bà Mông Thị Đ thông qua cuộc họp gia đình đồng ý cho anh C, chị M được sử dụng và khai thác cây cối trên diện tích đất tranh chấp mà bà Đ cho rằng bà và chồng là người khai phá năm 1969, nên anh C, chị M đã chặt cây và trồng sắn trên diện tích đất này.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn B xác định diện tích đất tranh chấp là do ông khai phá từ năm 1968 và sử dụng canh tác đến năm 2013 thì kê khai đo đạc, lập bản đồ địa chính và có tên trong sổ mục kê nên ông B khởi kiện yêu cầu anh C chị M phải trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông là 1.581,5m<sup>2</sup> và bồi thường giá trị cây bị chặt hạ.

Xét nguồn gốc đất tranh chấp, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ lời khai xác nhận của Trưởng thôn, nguyên Trưởng Thôn O; ý kiến của UBND xã Y đều xác định diện tích đất tranh chấp 1.581,5 m<sup>2</sup> nằm trong diện tích được thẩm định 7.124,5m<sup>2</sup> đã được kê khai mang tên ông Hoàng Văn B từ năm 2013, diện tích 8.554,7m<sup>2</sup>. Những người làm chứng có đất liền kề đều xác định việc ông Hoàng Văn B là người sử dụng và trồng cây trên đất; khi đo đạc năm 2013 đều được tham gia ký giáp ranh với ông B; bà Mông Thị Đ (mẹ anh C) cũng xác định đã được ký giáp ranh với ông B vào năm 2013. Như vậy có đủ cơ sở để xác định thửa đất tranh chấp là do ông Hoàng Văn B khai phá và có quyền sử dụng do đã đăng ký kê khai, được ghi vào sổ mục kê của địa phương.

Về giá trị tài sản trên đất: Tại biên bản Hòa giải các đương sự đã thống nhất, không yêu cầu định giá. Đây là quyền tự định đoạt của các đương sự cần được chấp nhận.

## **[3] Xét quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và kháng cáo của bị đơn:**

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất tranh chấp là có căn cứ vì nguyên đơn là người khai phá đất từ năm 1968; đã kê khai năm 2013, là người có tên trong sổ mục kê. Đồng thời giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất theo hướng: Đối với cây bị chặt hạ là cây do nguyên đơn trồng nên bị đơn phải bồi thường là 5.600.000, đồng; giá trị cây trồng mới trên đất do bị đơn trồng trị giá 4.800.000, đồng, nguyên đơn được sử dụng nên nguyên đơn

thanh toán cho bị đơn từ số tiền bồi thường là phù hợp với thực tế bảo đảm được quyền lợi của các bên đương sự. Về nội dung này nguyên đơn chấp nhận và không kháng cáo nên cần được chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định án phí không có giá ngạch đối với tranh chấp quyền sử dụng đất (300.000,đồng) và án phí có giá ngạch đối với tranh chấp bồi thường thiệt hại (300.000, đồng) và buộc bị đơn phải chịu 7.340.000,đồng chi phí thẩm định tại chỗ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị đơn: Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị đơn không có thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho quyền sử dụng đất của mình đối với thửa đất tranh chấp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định tuyên tạm giao diện tích đất tranh chấp cho nguyên đơn sử dụng và tuyên nghĩa vụ cho nguyên đơn phải đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng với hướng dẫn về thẩm quyền của Tòa án nên cần được tuyên lại cho chính xác.

**[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:** Kháng cáo của anh Hoàng Văn C không được chấp nhận, nên anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Yên Bái như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T: Buộc anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M có nghĩa vụ trả lại cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T diện tích 1.581,5m<sup>2</sup>; tại Thôn O, xã Y, huyện X, tỉnh Yên Bái. Ranh giới, mốc giới thửa đất: Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị N 38,92m; phía Nam giáp nương nước ba đoạn chiều dài 11,15m, 16,14m, 7,12m; phía Tây giáp đất chủ hộ (ông B) gồm năm đoạn chiều dài 15,72m, 8,29m, 19,49m, 13,45m, 12,58m; phía Đông giáp đất bà Mông Thị Đ (Mẹ anh Hoàng Văn C) và đất bà Hoàng Thị A gồm ba đoạn chiều dài 10,19m, 14,38m, 8,16m.

Ông B, bà T có quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ cây trồng trên đất gồm: Cây Kê số lượng 01 cây, vanh 82 cm, cao 7,0m; cây Hen số lượng 01 cây, vanh 100

cm, cao 13,0m; cây cọ số lượng 03 cây, vanh 90cm, cao 4,0m. 422 cây Trầu, 640 khóm sắn lá tre.

- Buộc anh Hoàng Văn C phải bồi thường cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T số tiền 800.000,đ (Tám trăm nghìn đồng) giá trị tài sản cây trên đất đã bị anh C chặt hạ.

*Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, đối với khoản tiền ông Hoàng Văn C phải bồi thường, hàng tháng ông Hoàng Văn C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

- Về chi phí tố tụng: Anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M phải chịu 7.340.000,đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn ông B, bà T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên anh C, chị M phải thanh toán trả lại cho nguyên đơn ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T số tiền 7.340.000, đồng (Bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được trả lại số tiền tạm ứng án phí 795.000,đồng đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Yên Bái theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004722 ngày 05-02-2020.

Anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M phải chịu 300.000,đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp quyền sử dụng đất và 300.000, đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp bồi thường thiệt hại. Tổng cộng là 600.000,đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Yên Bái theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008412 ngày 14-12-2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*



***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự; (4)
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA. (12b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Phạm Hồng Quân**